

BÀI TẬP KẾ TOÁN

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Bài số 1: Tình hình tại một doanh nghiệp thương mại K, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp VAT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán ngoại tệ theo phương pháp tỷ giá thực tế. Trong kỳ có tình hình nhập khẩu trực tiếp như sau. ĐVT: 1.000 đ

1. Chuyển tiền gửi ngân hàng 100.000 USD ký quỹ mở L/C theo hợp đồng đã ký với công ty HK để nhập khẩu lô hàng. Thủ tục phí ngân hàng 110 USD, trong đó thuế GTGT 10%. Tỷ giá thực tế: 18,8/USD, tỷ giá chi ngoại tệ: 18,9/USD

2. Hàng về đến cảng, Công ty hoàn tất thủ tục nhận hàng. Giá trị lô hàng 100.000 USD, thuế nhập khẩu 10%, thuế TTĐB 20%, thuế GTGT của hàng nhập khẩu 10%. Hàng hóa đã chuyển về nhập kho. Chi phí vận chuyển 2.100 bao gồm VAT 5%, chi phí nhận hàng đã chi bằng tiền mặt 10.000. tỷ giá bình quân liên ngân hàng: 18,7/USD

3. Doanh nghiệp đã chuyển khoản nộp các khoản thuế theo quy định.

4. Hoàn tất thủ tục chuyển ngân hàng thanh toán tiền hàng cho người bán. Ngân hàng đã chuyển tiền thanh toán từ tài khoản tiền ký quỹ. Thủ tục phí ngân hàng, ngân hàng đã trừ vào TK tiền gửi 55 USD, trong đó VAT 10%. Tỷ giá thực tế: 18,8/USD.

Yêu cầu: 1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh
2. Các chứng từ cần phải có

Bài số 2: Doanh nghiệp SX BMKT trong kỳ có nhập khẩu một TSCĐ, DN nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán ngoại tệ theo tỷ giá thực tế như sau: ĐVT: 1.000 đ

1. Hoàn tất thủ tục vay ngân hàng, ngân hàng chuyển 150.000 USD tiền vay dài hạn ký quỹ mở L/C. Ngân hàng trừ thủ tục phí 0,1% và VAT 10%. Tỷ giá thực tế: 18./USD

2. TSCĐ về đến cảng. Công ty hoàn tất thủ tục nhận TSCĐ, giá trị tài sản 150.000 USD, thuế nhập khẩu 5%, thuế GTGT 10%. Chi phí nhận hàng đã chi 20.000, trong đó VAT 1.000. Chi phí vận chuyển TSCĐ về đến doanh nghiệp 5.250, trong đó VAT 5%. TSCĐ đưa về doanh nghiệp và đang trong thời gian lắp đặt, chạy thử. TGTT: 18,1/USD

3. Ký hợp đồng với Công ty DCV lắp đặt chạy thử, chi phí lắp đặt theo hợp đồng là 110.000, trong đó VAT 10%, chi phí chạy thử doanh nghiệp BMKT chịu, thời gian lắp đặt, chạy thử dự kiến 5 tháng. Theo hợp đồng, DN chuyển 20.000 ứng trước cho DCV.

4. Hoàn tất thủ tục chuyển ngân hàng thanh toán cho người bán. Ngân hàng trừ vào TK TGNH VND thủ tục phí 110 USD, thuế VAT 10%. Tỷ giá mua vào của ngân hàng: 18,2/USD, tỷ giá bán ra: 18,4/USD.

5. Chuyển TGNH nộp các khoản thuế theo quy định.

Yêu cầu: Định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài số 4: Tại DN DHNT trong kỳ có hợp đồng nhập khẩu ủy thác một lô hàng như sau: ĐVT: 1.000 đ

1. Ký hợp đồng nhập khẩu ủy thác với Công ty L. Chuyển 50.000 USD TGNH bằng ngoại tệ cho Công ty L mở L/C. Thủ tục phí ngân hàng 110 USD, thuế GTGT 10%. Tỷ giá chi ngoại tệ: 18./USD, tỷ giá thực tế: 18,1/USD.

2. Hàng về đến cảng, cùng với công ty L nhận hàng về nhập kho doanh nghiệp. Chi phí vận chuyển đã chi bằng tiền mặt 2.100, trong đó thuế GTGT 5%. Đã nhận được Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ của Công ty L. Giá trị lô hàng 50.000 USD, tỷ giá thực tế: 18,1

3. Nhận được hóa đơn GTGT hàng nhập khẩu của Công ty L và hồ sơ hàng nhập khẩu, giá mua: 50.000 USD, thuế nhập khẩu 10%, thuế GTGT 10%. Chi phí nhập khẩu L chi hộ: 20.000, trong đó thuế GTGT 1.000. Tỷ giá tính thuế: 18,1

4. Nhận được hóa đơn hoa hồng ủy thác do Công ty L giao, phí ủy thác 2% và VAT 10%.
5. Công ty L đã hoàn tất thủ tục thanh toán cho người bán từ tiền ký quỹ. DN đã chuyển khoản thanh toán hoa hồng ủy thác, thuế và khoản phí nhập khẩu cho Công ty L.
6. Thanh lý hợp đồng ủy thác.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài số 5: Tình hình tại Công ty T&T nhận ủy thác nhập khẩu cho Công ty BM như sau:

1. Nhận chuyển khoản 100.000 USD của Công ty K để ký quỹ mở L/C nhập hàng. Công ty T&T đã hoàn tất thủ tục mở L/C. (TGTT: 18.350 đ/USD)
2. Hàng về đến cảng, Cty T&T đại diện Cty BM lập thủ tục hải quan để kiểm nhận hàng: 10.000 đvị hàng E, đơn giá 10USD/đvị/CIF.HCMC; Cty T&T lập PXXKKVCNB hàng nhận ủy thác nhập cho Công ty K (kèm bản sao hồ sơ hàng nhập khẩu) ghi rõ giá trị hàng nhập, thuế nhập khẩu 5% giá nhập, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10% giá nhập và thuế nhập khẩu (tỷ giá thực tế do hải quan quy đổi để tính thuế: 18.400 đ/USD)
3. Nhận chuyển khoản (VND) của Cty K để Cty T&T nộp hộ thuế nhập khẩu và VAT hàng nhập khẩu. Sau đó, Cty T&T đã chuyển đủ tiền nộp hộ thuế cho Nhà Nước; và phát hành hoá đơn GTGT hàng nhận ủy thác nhập (TGTT: 15.400 đ/USD)
4. Ngân hàng đối chiếu bộ chứng từ với điều kiện mở L/C và đã tiến hành trả tiền cho Cty nước ngoài 100.000 USD. Thủ tục phí ngân hàng 0,1% và VAT 10% Cty T&T đã chi hộ cho Cty BM (TGTT: 18.400 đ/USD)
5. Phí Ủy thác đã thu bằng ngoại tệ: 2% giá nhập khẩu và thủ tục phí ngân hàng đã chi hộ cho Cty K (TGTT: 18.400 đ/USD)

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài số 6: Công ty thương mại P kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ, hạch toán ngoại tệ theo tỷ giá thực tế

Trong tháng 3 tình hình xuất khẩu hàng hoá như sau:

1. Ngày 10/3 xuất kho hàng hóa xuống tàu đi Công ty Úc gồm 2.000 kg x 5USD/kg (TGTT 18.500 VND/USD). Chi phí xuống hàng đã chi bằng tiền mặt là 3.000.000. Phòng kế toán đã nhận đủ hồ sơ xuất hàng cho bên mua. Thuế xuất khẩu phải nộp 5% giá hoá đơn, VAT 0%.
2. Ngày 25/3 nhận được chứng từ của ngân hàng báo có số tiền hàng Công ty Úc đã thanh toán, đồng thời ngân hàng đã trừ ngay lệ phí phục vụ là 0,1% trên số tiền được chuyển, VAT 10% (TGTT 18.550 đ/USD)

Yêu cầu: Định khoản và phản ánh vào tài khoản tình hình trên

Bài số 7: Trong tháng 8 phòng KT Công ty X có tình hình xuất khẩu hàng hóa như sau:

1. Ngày 10/8 Công ty xuất kho 5.000 đ.vị hàng A xuống cảng cho Công ty Nhật theo hợp đồng đã ký với giá 5 USD/đ.vị/FOB.HCMC – chi phí thuế kho đã trả bằng tiền mặt là 200.000 đ.
2. Ngày 15/8 hàng đã xuất xuống tàu. Các chi phí khác phục vụ cho việc xuất khẩu hàng đã chi bằng tiền mặt gồm: Phí kiểm định hàng hóa: 800.000; phí bốc vác: 1.800.000
3. Ngày 30/8 nhận được giấy báo có của Ngân hàng Ngoại Thương về số tiền hàng do Công ty Nhật thanh toán, đồng thời đã bị trừ ngay khoản thủ tục phí ngân hàng là 7.50 USD.
4. Tài liệu bổ sung: + Giá vốn đơn vị hàng A xuất kho cuối tháng đã tính được là 15.350 đ/đ.vị + TG xuất: 18.000 đ/USD, TGTT ngày 10/8: 18.040 đ/USD; ngày 15/8: 18.050 đ/USD; ngày 30/8: 18.052 đ/USD

Yêu cầu: Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên

Bài số 8

Hai công ty xuất nhập khẩu A và B có tình hình kinh doanh hàng xuất khẩu có thuế suất GTGT khấu trừ 0%(hệ thống kê khai thường xuyên).

1. Công ty A xuất khẩu trực tiếp hàng giá xuất kho 100.000.000đ, giá bán 12.000.USD/FOB HCM, hàng đã giao lên tàu tiền chưa thu, tỷ giá thực tế 18.500VNĐ/USD.
2. Công ty A gửi hàng nhờ công ty B xuất khẩu uỷ thác giá xuất kho 500.000.000đ, giá bán 60.000.USD/FOB HCM hàng còn chờ, công ty B đã nhận hàng, tỷ giá thực tế 18.550VNĐ/USD.
3. Công ty A nhận giấy báo có của ngân hàng, nội dung:
 - Thu tiền khách hàng 12.000USD.
 - Trừ phí ngân hàng 0,1% và VAT 10%.
 - Ghi tăng tiền gửi ngân hàng công ty A tỷ giá thực tế 18.500VNĐ/USD.
4. Công ty B chi tiền mặt 15.000.000đ để làm thủ tục xuất khẩu, rút tiền GNH để nộp thuế xuất khẩu 5% thay cho công ty A hàng đã giao cho khách, tiền chưa thu, tỷ giá thực tế 18.500VNĐ/USD.
5. Công ty B nhận giấy báo ngân hàng nội dung:
 - Thu tiền khách hàng 60.000USD.
 - Trừ phí ngân hàng 150 USD và VAT 10%.
 - Ghi tăng TGNH công Ty B, tỷ giá thực tế 18.560VNĐ/USD.
6. Công ty B và công ty A đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng.
 - Công ty B chuyển ngoại tệ tiền GNH cho công ty A sau khi trừ phí ngân hàng và hoa hồng uỷ thác 2% và VAT 10%.
 - Công ty A thanh toán lại tiền chi phí xuất khẩu cho công ty B là 15.000.000đ.

Tất cả đã chuyển xong bằng TGNH. Tỷ giá thực tế 18.560VNĐ/USD.

Yêu cầu

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, biết:
 - Dùng tỷ giá xuất 18.500VNĐ/USD.
 - Dùng tỷ giá thực tế.
2. Tính và kết chuyển doanh thu bán hàng thuần trong tháng.
3. Hãy hạch toán cho cả 2 công ty A và B.

Bài số 9: *Tại một Công ty xuất nhập khẩu X trong tháng 4 có các nghiệp vụ phát sinh như sau (kế toán kê khai thường xuyên , Đvt: 1.000đ):*

1. Ngày 1 tháng 4, tổng Công ty nhập khẩu trực tiếp 10 chiếc xe Toyota, giá nhập 100.000USD/chiếc/CIP.HCM. Hàng về chuyển thẳng vào Công ty A và B, mỗi bên 5 chiếc, TGTT 18.200VNĐ/USD. Thuế nhập khẩu 4%, thuế GTGT 10%, tiền hàng chưa thanh toán, nộp đủ thuế bằng tiền mặt.
2. Ngày 4 tháng 4, nhận hóa đơn chính thức của bên B cung cấp về lô hàng mà Tổng công ty đã mua theo giá tạm tính chưa thuế tháng trước 60.000, tổng giá thanh toán chính thức ghi trên hóa đơn 62.000, thuế GTGT 10%, lô hàng này đã xác định tiêu thụ tháng trước.
3. Ngày 8 tháng 4, nhận được giấy báo có của Ngân hàng Ngoại thương về khoản tiền mà Công ty A thanh toán 5 chiếc Toyota theo giá bán chưa thuế 120.000USD, TGTT 18.000VNĐ/USD. Trong ngày tổng Công ty còn xuất 100 tấn mè vàng, trị giá mua chưa thuế bằng tiền Việt Nam 400/tấn, thuế GTGT 5%, hàng đã giao xuống tàu gửi đi bán.
4. Ngày 14 tháng 4, nhận được giấy báo Có của Ngân hàng thu tiền về lô hàng gửi bán ngày 8/4 với nội dung:
 - Ghi Có TK TGNH tổng Công ty 1.386.000JPY.
 - Thủ tục phí Ngân hàng 14.000JPY.

JPY: Yên Nhật, 1USD = 100JPY, thuế suất thuế xuất khẩu và thuế GTGT của hàng trên đều là 0%. TGTT do Ngân hàng công bố 18.000VNĐ/USD.

5. Ngày 18 tháng 4, nhận được giấy báo của bên mua từ chối lô mè gửi đi ngày 8/4, và đã thu tiền ngày 14/4 vì trong mè vàng lẫn mè đen, Công ty đồng ý giảm giá bán xuống còn 10.000 JPY/ tấn, bên mua đã chấp nhận, TGTT 18.300VND/USD.
6. Ngày 20 tháng 4, nhận được 10 tấn gạo của Công ty C theo phương thức hàng đổi hàng, trị giá chưa thuế 20.000, thuế GTGT 5%. Hàng được chuyên thẳng xuống tàu. Khi lập giấy chứng nhận trọng lượng hàng hoá tại cảng, phát hiện thừa 1 tấn, chưa rõ nguyên nhân.
7. Ngày 22 tháng 4, vay Ngân hàng để ký quỹ mở L/C 50.000USD, Ngân hàng đã gửi giấy báo Có. Trong ngày còn chi tiền Việt Nam bằng TGNH để mua 5.000USD chuyển khoản .TGTT: 18.200 đ/USD
8. Ngày 25 tháng 4, nhận giấy báo của khách hàng nước ngoài từ chối nhận lô hàng gửi đi và đã xác định tiêu thụ thuộc năm trước vì không đúng quy cách, phẩm chất, trị giá mua chưa thuế bằng tiền Việt Nam 20.000, giá bán thu bằng ngoại tệ qua Ngân hàng 3.000USD. Tại thời điểm xác định tiêu thụ TGTT 18.200VND/USD. Công ty đã xin lại số thuế xuất khẩu đã nộp cho Ngân sách là 400. TGTT trong ngày 18.000VND/USD. Thuế suất thuế GTGT lúc mua hàng 10%, lúc bán hàng 0%.
9. Nhập khẩu trực tiếp 2.000 đvị hàng C với giá 100 USD /đvị/CIF.HCMC, TGTT: 18.400 đ/USD, thuế nhập khẩu 5% giá nhập, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10% giá nhập và thuế nhập khẩu. Đã nộp thuế bằng chuyển khoản (VNĐ). Sau đó chuyển toàn bộ hàng C cho đại lý Z với giá ký gửi chưa tính thuế GTGT: 150 USD/đvị hàng C, VAT 10%, hoa hồng cho đại lý 3%/ giá chưa thuế và VAT 10%. Cuối tháng, báo cáo bán hàng của đại lý đã tiêu thụ 180 đvị hàng C, TGTT: 18.410 đ/USD. Đại lý Z đã chuyển ngoại tệ vào tài khoản NH của Công ty T&T sau khi trừ số tiền hoa hồng được hưởng.
10. Tình hình nhận uỷ thác xuất cho Công ty H:
 - Nhận 10.000 đvị hàng D, giá 50 USD/đvị/FOB.HCMC do Công ty H chuyển đến để tập kết ra cảng.
 - Chuyển hàng D ra cảng, hoàn tất thủ tục Hải Quan, đã chuyển hàng xuống tàu và nhận được vận đơn của thuyền trưởng. Và đã chuyển bản sao hồ sơ hàng xuất khẩu cho Cty H.
 - Nhận chuyển khoản ngoại tệ do Công ty nước ngoài chuyển trả: 50.000 USD (TGTT: 18.500 đ/USD), thủ tục phí ngân hàng 0,1% và VAT 10% do Công ty H chịu.
 - Chuyển số ngoại tệ trả cho Công ty H sau khi để lại phí Uỷ thác tính 2% giá xuất khẩu (gồm VAT 10%), thủ tục phí ngân hàng 0,1% số ngoại tệ chuyển trả và VAT 10% do Công ty H chịu (TGTT: 18. 510 đ/USD)

Yêu cầu:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên theo cả 2 cách tính thuế. TGHT trong tháng 18.000VND/USD.